

Số /BC-UBND

Hải Dương, ngày tháng năm 2024

**Dự thảo**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH  
Hỗ trợ người lao động đã qua đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

**I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

*1.1. Thực trạng về lao động, việc làm, lao động trong doanh nghiệp*

Dân số tỉnh Hải Dương năm 2023 là 1.956.888 người. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên (dân số hoạt động kinh tế hiện tại) khoảng 957.514 người. Lực lượng lao động có việc làm khoảng 944.108 người theo cơ cấu lao động như sau: công nghiệp xây dựng 493.768 người, tỷ lệ 52,3%; dịch vụ 296.450 người, tỷ lệ 31,4% và nông, lâm nghiệp, thủy sản 153.890 người, tỷ lệ 16,3%.

Lực lượng lao động tỉnh ngoài làm việc tại Hải Dương là: 63.420 người (tính đến hết quý 3/2023).

Toàn tỉnh hiện có 19.394 doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh. Năm 2023, toàn tỉnh có 8.682 doanh nghiệp đang hoạt động, sử dụng 375.660 lao động (gồm 12 doanh nghiệp nhà nước, 8.280 doanh nghiệp ngoài nhà nước và 390 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài). Trong đó:

- Trong khu công nghiệp có 257 doanh nghiệp đang hoạt động, sử dụng 101.000 lao động. Ngoài khu công nghiệp có 8.425 doanh nghiệp đang hoạt động, sử dụng 274.660 lao động.

- Theo địa giới hành chính: Thành phố Hải Dương: 3.746 doanh nghiệp, sử dụng 129.218 lao động; thành phố Chí Linh: 548 doanh nghiệp, sử dụng 21.208 lao động; huyện Nam Sách: 469 doanh nghiệp, sử dụng 12.572 lao động; thị xã Kinh Môn: 770 doanh nghiệp, sử dụng 26.952 lao động; huyện Kim Thành: 481 doanh nghiệp, sử dụng 23.634 lao động; huyện Thanh Hà: 268 doanh nghiệp, sử dụng 13.031 lao động; huyện Cẩm Giàng: 788 doanh nghiệp, sử dụng 69.477 lao động; huyện Bình Giang: 424 doanh nghiệp, sử dụng 13.148 lao động; huyện Gia Lộc: 261 doanh nghiệp, sử dụng 10.516 lao động; huyện Tứ Kỳ: 453 doanh nghiệp, sử dụng 28.164 lao động; huyện Ninh Giang: 195 doanh nghiệp, sử dụng 9.071 lao động; huyện Thanh Miện: 279 doanh nghiệp, sử dụng 18.669 lao động.

- Cơ cấu lao động trong các doanh nghiệp theo giới tính, tỷ lệ lao động nữ chiếm 57,4% (215.798 lao động nữ/tổng số 375.660 lao động); lao động nam chiếm 42,6%.

- Theo trình độ chuyên môn, số người có trình độ đại học và trên đại học năm 2023 là 40.956 người, chiếm 10,9% tổng số lao động; cao đẳng: 21.945 người, chiếm 5,84%; trung cấp: 19.405 người, chiếm 5,17%; sơ cấp: 38.657 người, chiếm 10,29%; lao động phổ thông: 254.697 người, chiếm 67,8%.

- Theo ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:

+ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: 41 doanh nghiệp sử dụng 1.969 lao động.

+ Công nghiệp, xây dựng: 3.667 doanh nghiệp, sử dụng 321.571 lao động, trong đó tập trung nhiều trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo (2.471 doanh nghiệp, sử dụng 291.882 lao động-đạt tỷ lệ 28,5% về số doanh nghiệp đang hoạt động và 77,7% lực lượng lao động trong các doanh nghiệp). Trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo một số ngành sử dụng nhiều lao động, đó là: doanh nghiệp hoạt động về sản xuất trang phục (*dệt may, da giày*): 400 doanh nghiệp, sử dụng 88.758 lao động (*riêng lao động nữ là 73.146, chiếm tỷ lệ 82,4%*); doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử (*71 doanh nghiệp, sử dụng 36.139 lao động*); doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo khác (*74 doanh nghiệp, sử dụng 26.261 lao động*),...

+ Dịch vụ: 4.974 doanh nghiệp, sử dụng 52.120 lao động, trong đó tập trung các ngành chính như: Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy: 3.071 doanh nghiệp, sử dụng 22.901 lao động; vận tải, kho bãi: 654 doanh nghiệp, sử dụng 9.626 lao động, ...

Đánh giá chung: Năm 2024, lực lượng lao động làm việc trong các doanh nghiệp có xu hướng tăng. Tính đến 30/4/2024, tổng số lao động làm việc tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh khoảng 382.500 người (*tăng khoảng 7.000 lao động so với năm 2023*), lao động làm việc trong khu công nghiệp là 105.326 người (*tăng 4.326 lao động*).

Lao động trên địa bàn tỉnh từng bước được nâng cao về chất lượng, tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ tăng từ 26,5% năm 2020 lên 32,5% năm 2023. Số lượng lao động làm việc trong các ngành dệt may, da giày, điện tử, ... chiếm tỷ lệ cao. Theo đánh giá của các doanh nghiệp: 68,5% người lao động đáp ứng tốt về năng lực chuyên môn; tỷ lệ lao động đáp ứng rất tốt là 8,6%, tỷ lệ lao động đáp ứng ở mức độ trung bình là 22,9%. Thái độ làm việc của người lao động được doanh nghiệp đánh giá ở mức độ tốt là 64,6%, mức độ rất tốt là 16,8%, mức độ trung bình là 18,6%.

Đến nay, tỷ lệ lao động làm việc trong các doanh nghiệp chiếm khoảng 39% lực lượng lao động, như vậy còn một lượng lớn lao động đang làm việc ở khu vực phi chính thức. Mặt khác, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp đa phần trong độ tuổi từ 25 đến 49 (*chiếm 75,7%*), số lao động trên 50 tuổi chỉ chiếm khoảng 10,7% trong khi tổng số người lao động từ 50 tuổi trở lên trong lực lượng lao động của tỉnh là 228.500 người (*chiếm 24,3%*). Vì vậy, có thể thấy lao động trong doanh nghiệp là lao động trẻ.

## 1.2. Về giáo dục nghề nghiệp

Tỉnh Hải Dương hiện có 33 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm: 08 trường cao đẳng, 03 trường trung cấp, 09 trung tâm giáo dục nghề nghiệp; 12 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, 01 doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trong đó:

- Có 18 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp đang hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp giấy chứng nhận hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm: 08 trường cao đẳng, 02 trường trung cấp, 07 trung tâm GDNN, 01 doanh nghiệp.

- Khối công lập có 22 cơ sở gồm: 07 trường cao đẳng, 01 trường trung cấp, 02 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, 12 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Khối tư thực có 11 cơ sở gồm: 01 trường cao đẳng, 02 trường trung cấp, 07 trung tâm GDNN và 01 doanh nghiệp.

- Chia theo địa giới hành chính: Thành phố Hải Dương có 12 cơ sở, thành phố Chí Linh có 05 cơ sở, huyện Nam Sách có 03 cơ sở, thị xã Kinh Môn có 01 cơ sở, huyện Kim Thành có 03 cơ sở, huyện Thanh Hà có 01 cơ sở, huyện Cẩm Giàng có 02 cơ sở, huyện Bình Giang có 01 cơ sở, huyện Gia Lộc có 01 cơ sở, huyện Tứ Kỳ 01 cơ sở, huyện Ninh Giang có 01 cơ sở, huyện Thanh Miện có 02 cơ sở. Như vậy, số lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phần lớn tập trung tại thành phố Hải Dương, thành phố Chí Linh và một số huyện gần thành phố Hải Dương.

- Ngành nghề tuyển sinh: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được phép tuyển sinh, đào tạo 42 nghề trình độ cao đẳng, 75 nghề trình độ trung cấp, 102 nghề trình độ sơ cấp. Trong đó, 08 trường cao đẳng, trung cấp công lập được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội lựa chọn thực hiện đầu tư các ngành, nghề trọng điểm gồm 12 nghề cấp quốc gia, 09 nghề cấp độ khu vực ASEAN và 07 nghề cấp quốc tế.

- Về quy mô tuyển sinh và đào tạo:

- + Đối với đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng: Hiện tại các trường cao đẳng, trung cấp nghề hoạt động trên địa bàn tỉnh đáp ứng được quy mô tuyển sinh và đào tạo là 3.100 sinh viên hệ cao đẳng/năm và trên 6.300 học sinh hệ trung cấp/năm. Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023, toàn tỉnh đã tuyển mới giáo dục nghề nghiệp được 114.593 học sinh, sinh viên, trong đó trình độ cao đẳng và trung cấp đạt 15.792 học sinh, sinh viên, tập trung một số nhóm ngành, nghề đào tạo như sau: nhóm ngành, nghề khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh: 240 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề kỹ thuật và công nghệ thông tin đạt 6.624 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề sản xuất, chế biến và xây dựng đạt 1.283 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề sức khỏe đạt 1.876; nhóm ngành, nghề dịch vụ, du lịch và môi trường đạt 401 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề khác đạt 5.368 học

sinh, sinh viên. Năm 2022, các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh tuyển sinh được 5.544 học sinh, sinh viên, trình độ cao đẳng, trung cấp. Trong đó, số học sinh, sinh viên là người có địa chỉ thường trú tại tỉnh Hải Dương là 4.594 người, ngoài tỉnh là 950 người; Năm 2023, các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh tuyển sinh được 3.912 học sinh, sinh viên, trình độ cao đẳng, trung cấp. Trong đó, số học sinh, sinh viên là người có địa chỉ thường trú tại tỉnh Hải Dương là 3.239 người (*chiếm 82,8%*), ngoài tỉnh là 673 người (*chiếm 17,2%*).

+ Đối với đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng:

Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023, toàn tỉnh đã tuyển mới trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng đạt 98.801 học viên, trong đó năm 2022: 33.371 học viên, năm 2023: 34.494 học viên, tập trung một số nhóm ngành, nghề đào tạo lái xe, điện công nghiệp, hàn, vận hành: máy xúc, máy ủi, máy lu, cần trục, cầu trục, thiết bị áp lực,... chủ yếu là người có địa chỉ thường trú tại tỉnh Hải Dương.

- Năm 2022, số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh là 19.709 người, số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở là 28.985 người, trong đó số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học lên trình độ cao đẳng, trung cấp là 2.665 người, số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tại các Trung tâm GDNN-GDTX học nghề song song với học văn hóa: 6.763 người; Năm 2023, số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh là 21.331 người, số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở là 28.035 người, trong đó số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học lên trình độ cao đẳng, trung cấp là 2.950 người, số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tại các Trung tâm GDNN-GDTX học nghề song song với học văn hóa: 6.146 người.

- Về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp: Toàn tỉnh hiện có 1.633 cán bộ quản lý, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, trong đó, số nhà giáo có trình độ trên đại học là 546 người, trình độ đại học là 676 người, trình độ cao đẳng và trung cấp là 260 người và khác là 151 người. Đội ngũ nhà giáo cơ bản đạt chuẩn và trên chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã đáp ứng được theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu. Trường Cao đẳng nghề Hải Dương được lựa chọn đầu tư trở thành trường chất lượng cao, được hỗ trợ đầu tư 70 tỷ đồng để cải tạo, xây dựng mới cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo. Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Hải Dương được hỗ trợ đầu tư 41,2 tỷ đồng để xây dựng, đầu tư cơ sở vật chất của trường.

- Về nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo: 100% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã xây dựng chương trình đào tạo chuẩn theo từng cấp trình độ, thường xuyên cập nhật, đổi mới theo hướng hiện đại và phù hợp với thực tiễn. Một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã mời các doanh nghiệp, người sử

dụng lao động tham gia xây dựng chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học, ... để phù hợp khi tham gia quá trình sản xuất của doanh nghiệp.

Đánh giá chung: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực về nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo; chất lượng đội ngũ nhà giáo được nâng cao đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động và yêu cầu của phát triển kinh tế, xã hội. Nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới chỉ đào tạo theo nguồn “cung” có sẵn, chưa đáp ứng đào tạo theo kịp “cầu” của thị trường lao động.

### *1.3. Tình hình lao động, sử dụng lao động là quân nhân xuất ngũ*

Từ năm 2020-2024, trên địa bàn tỉnh có 13.230 công dân nhập ngũ (*trung bình mỗi năm có 2.646 người*); số quân nhân xuất ngũ trở về địa phương là 12.314 người (*trung bình mỗi năm có 2.463 người*). Trình độ công dân khi nhập ngũ: Cao đẳng, đại học chiếm 9,08%; trung cấp nghề chiếm 0,02%; trung học phổ thông chiếm 72,24%; trung học cơ sở chiếm 18,66%.

Số xuất ngũ được Bộ CHQS tỉnh, Công an tỉnh phối hợp với các cơ sở GDNN trong quân đội, công an tư vấn đào tạo nghề, giới thiệu việc làm sau khi xuất ngũ trở về địa phương là 100%; số sử dụng thẻ đào tạo nghề là 27,09% (*trong đó, số có việc làm ổn định là 73,83%*); số không sử dụng thẻ học nghề là 72,91%, trong đó, do đi học, hoặc có việc làm, hoặc xuất khẩu lao động là 36,61%; do các lý do khác là 36,3%.

Số quân nhân xuất ngũ có việc làm ngay sau xuất ngũ là 1,86% (*về công tác tại các cơ quan, đơn vị cũ trước khi nhập ngũ hoặc được chuyển chế độ phục vụ trong Quân đội, Công an, ...*); làm việc tại các doanh nghiệp là 20,34%; phát triển kinh tế hộ gia đình hoặc tập thể là 8%; làm nghề tự do là 25,84%; số đi học tại các cơ sở GDĐT hoặc cơ sở GDNN là 33,96%; số còn lại đi xuất khẩu lao động hoặc các trường hợp khác là 10%.

Đánh giá chung: Phần lớn quân nhân xuất ngũ, mới tốt nghiệp THCS và THPT chưa được đào tạo nghề; do đó, khi hết thời hạn phục vụ tại ngũ, đa số chưa có định hướng nghề nghiệp rõ ràng, không xác định đi học nghề để hướng tới lao động có chất lượng cao, có thu nhập ổn định mà trở về quê phụ giúp kinh tế gia đình, hoặc đi làm thuê tại các thành phố lớn, hoặc làm công nhân tại một số khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh để ổn định cuộc sống.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

- Hỗ trợ trực tiếp người lao động đã qua đào tạo các trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, trung cấp, cao đẳng để thu hút người học giáo dục nghề nghiệp, đạt tỷ lệ phân luồng vào giáo dục nghề nghiệp theo Kế hoạch của UBND tỉnh (*năm 2025 ít nhất 45% học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; ít nhất*

*40% học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học văn hóa và đào tạo nghề sơ cấp, hoặc học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác).*

- Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ trên địa bàn tỉnh đạt chỉ tiêu của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra đến năm 2025 đạt 33%, năm 2030 đạt 43%.

- Nâng cao chất lượng nguồn lao động trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, thực hiện hiệu quả Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”.

- Nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ đào tạo nghề “chuẩn đầu ra” theo nhu cầu của doanh nghiệp. Gắn kết cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Người lao động đã qua đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, trung cấp, cao đẳng có việc làm bền vững sau tốt nghiệp, doanh nghiệp tuyển dụng được lao động có chất lượng cao.

## **II. Đánh giá tác động của chính sách**

### **1. Các vấn đề bất cập**

- Nhận thức của người dân đối với công tác giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế, đa số muốn con em học đại học, không muốn học nghề. Các trường đại học được thành lập nhiều, điểm chuẩn đầu vào đại học thấp nên số lượng các thí sinh có nguyện vọng đi học giáo dục nghề nghiệp tại các trường cao đẳng, trung cấp thấp.

- Chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới chỉ đào tạo theo nguồn “cung” có sẵn, chưa đáp ứng đào tạo theo kịp “cầu” của thị trường lao động. Vì vậy, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh không tạo được sức hút đối với người học.

- Trang thiết bị phục vụ cho việc giáo dục nghề nghiệp còn thiếu và lạc hậu, nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị cũ, lạc hậu chưa theo kịp sự phát triển công nghệ và thiết bị máy móc mới của các doanh nghiệp, do vậy người học sau khi tốt nghiệp vào làm việc chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.

- Công tác tuyển sinh ở một số cơ sở GDNN còn nhiều khó khăn, không tuyển đủ quy mô, chỉ tiêu.

- Hiện nay, các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nhiều lao động chủ yếu là doanh nghiệp thuộc ngành nghề dệt, may, da giày, điện tử. Các doanh nghiệp này phần lớn tuyển lao động phổ thông vào đào tạo một thời gian ngắn rồi ký

hợp đồng lao động. Các doanh nghiệp có xu hướng tự thực hiện đào tạo nghề nghiệp cho lao động hơn là hợp tác với cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đào tạo nghề, nâng cao chất lượng đào tạo.

- Công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp chưa đạt hiệu quả theo mục tiêu kế hoạch của tỉnh.

- Chưa có chính sách khuyến khích doanh nghiệp sử dụng lao động đã qua đào tạo; chưa tạo được cơ chế phối hợp chặt chẽ bốn bên trong công tác giáo dục nghề nghiệp giữa nhà nước, nhà trường, doanh nghiệp và người học.

## **2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Dùng ngân sách nhà nước tỉnh hỗ trợ người lao động đã qua đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trung cấp, cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và có đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương; nhằm thu hút các đối tượng tham gia học nghề, làm tốt công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng nguồn lao động, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng, tay nghề cao phục vụ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, cũng như nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh của tỉnh trong tình hình mới.

## **3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

### **3.1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định chính sách hỗ trợ người lao động đã qua đào tạo nghề các trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, trung cấp, cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

### **3.2. Mục tiêu, nội dung của chính sách, giải pháp thực hiện chính sách**

*3.2.1. Chính sách 1: Hỗ trợ người lao động đã qua đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng:*

Người lao động đã qua đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và có đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương được hỗ trợ khi hoàn thành khóa học được cấp chứng chỉ sơ cấp/chứng chỉ đào tạo dưới 3 tháng, ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người.

*3.2.2. Chính sách 2: Hỗ trợ người lao động đã qua đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng:*

Người lao động đã qua đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương được hỗ trợ khi hoàn thành khóa học được cấp bằng trung cấp/cao đẳng, ký hợp đồng lao

động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

(1) Người học một số ngành nghề thuật truyền thống và đặc thù, một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, ... tại mục I, phụ lục kèm theo Báo cáo này (*bao gồm cả người đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an*):

Mức hỗ trợ:

7.000.000 đồng/người đối với trình độ cao đẳng.

5.000.000 đồng/người đối với trình độ trung cấp.

(*Căn cứ đề xuất mức hỗ trợ tham khảo 30% trung bình mức thu học phí các ngành nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh*).

(2) Học sinh, sinh viên tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng học các ngành tại mục II, phụ lục kèm theo Báo cáo này:

Mức hỗ trợ:

14.000.000 đồng/người đối với trình độ cao đẳng.

9.000.000 đồng/người đối với trình độ trung cấp.

(*Căn cứ đề xuất mức hỗ trợ tham khảo 50% trung bình mức thu học phí đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh*).

(3) Học sinh, sinh viên là thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng học các ngành tại mục II, phụ lục kèm theo Báo cáo này:

20.000.000 đồng/người đối với trình độ cao đẳng.

13.000.000 đồng/người đối với trình độ trung cấp.

(*Căn cứ đề xuất mức hỗ trợ tham khảo 100% trung bình mức thu học phí đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh*).

#### **4. Đánh giá tác động của giải pháp**

##### *4.1. Tác động đối với kinh tế:*

- Tích cực:

Chính sách được ban hành tạo góp phần giảm bớt gánh nặng chi phí đào tạo cho người lao động đã qua đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, trung



cấp, cao đẳng và gia đình; sẽ thu hút và tạo điều kiện cho học sinh tham gia học nghề, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động và phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh.

Giúp cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh giảm bớt khó khăn trong công tác tuyển sinh, chủ động thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và giải quyết việc làm để thu hút người học.

Gắn kết chặt chẽ bốn bên trong công tác giáo dục nghề nghiệp giữa nhà nước, nhà trường, doanh nghiệp và người học.

- Tiêu cực:

Việc ban hành các chính sách sẽ làm tăng ngân sách tỉnh chi cho việc hỗ trợ cho các đối tượng tham gia học nghề ở các cấp trình độ.

#### 4.2. Tác động đối với xã hội:

- Tích cực:

Chính sách tạo cơ hội cho học sinh được học nghề, lập nghiệp, có việc làm bền vững. Góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề và tăng năng lực cạnh tranh trong tình hình mới.

Giúp cho các cơ sở GDNN hoạt động trên địa bàn tỉnh giảm bớt khó khăn trong công tác tuyển sinh, chủ động thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và giải quyết việc làm để thu hút người học.

Khuyến khích được học sinh của tỉnh tham gia học nghề gắn với giải quyết việc làm trong thời gian học và khi kết thúc khóa học, phù hợp với việc thu hút đầu tư của tỉnh Hải Dương.

Thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn, ... vào đầu tư tại tỉnh Hải Dương do có sẵn nguồn lao động đã qua đào tạo có chất lượng cao.

Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp nhanh nhất, theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động trong tỉnh hiện nay và những năm tới.

- Tiêu cực: Chính sách khi ban hành có thể làm tăng khối lượng công việc đối với các bộ phận thực hiện nhiệm vụ liên quan, nhưng không làm thay đổi, không có tác động tới bộ máy quản lý Nhà nước.

#### 4.3. Tác động đến hệ thống pháp luật hiện hành

- *Phù hợp với hệ thống pháp luật:* Chính sách được ban hành theo đúng quy định, trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đảm bảo thực hiện đúng chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác giáo dục nghề nghiệp. Chính sách được ban hành sẽ tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông, góp phần chuyển biến mạnh mẽ công tác phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông,

phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của địa phương; đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- *Tương thích với các Điều ước quốc tế:* Nội dung chính sách không có tác động tới các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đang tham gia.

#### 4.4. Tác động đến nguồn lực đảm bảo thi hành

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn ngân sách tỉnh và xã hội hóa: Nghị quyết khi ban hành ít có khả năng gây áp lực lên ngân sách địa phương do Hải Dương là tỉnh tự chủ về ngân sách nên có đủ các điều kiện về kinh tế và xã hội để đảm bảo việc thi hành chính sách này.

4.5. *Tác động về bình đẳng giới:* Chính sách được thực hiện sẽ không có ảnh hưởng khác biệt giữa nam và nữ để tạo ra hay duy trì bất bình đẳng giới.

4.6. *Tác động về thủ tục hành chính:* Chính sách khi ban hành không phát sinh thủ tục hành chính mới.

### 5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Qua phân tích, đánh giá tác động của chính sách cho thấy, giải pháp lựa chọn hỗ trợ người lao động đã qua đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, trung cấp, cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp là phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

### III. Giám sát và đánh giá

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hỗ trợ theo chính sách; Hàng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình triển khai thực hiện.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người lao động đã qua đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

#### *Nơi nhận:*

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên nghề	Ghi chú
I	Một số ngành nghề thuật truyền thống và đặc thù, một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm,... theo quy định tại điểm a, điểm b, Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Người học đã được hỗ trợ 70% học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.
II		
1	Cơ điện tử	- Nghề trọng điểm; - Hỗ trợ công nghiệp bán dẫn; - Thuộc danh mục sản phẩm công nghệ hỗ trợ ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh
2	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	- Hỗ trợ công nghiệp bán dẫn; - Thuộc danh mục sản phẩm công nghệ hỗ trợ ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh
3	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	
4	Điện tử công nghiệp	- Nghề trọng điểm; - Hỗ trợ công nghiệp bán dẫn; - Thuộc danh mục sản phẩm công nghệ hỗ trợ ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh
5	Logistic	
6	Thương mại điện tử	Nghề trọng điểm
7	Tự động hóa công nghiệp	Hỗ trợ công nghiệp bán dẫn
8	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	
9	Nghề khác: Đối với các nghề liên quan đến danh mục sản phẩm công nghệ hỗ trợ ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh và danh mục công nghệ cao ưu tiên đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh, hằng năm căn cứ theo nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp, người học, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung nghề hỗ trợ	